

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **27/2018/HNGĐ-ST**

Ngày **29/5/2018**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/5/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Phan Văn N** - sinh năm 1968 (Có mặt)

* *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thanh Th** - sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 212, tổ 05, ấp T Th, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Phan Văn N trình bày:**

Anh N và chị Th chung sống với nhau vào năm 1999 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp và chị Th bỏ nhà đi từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay anh N có khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị Th không nghe từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Nay anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn.

- Về con chung: Vợ chồng không có 02 con chung tên Phan Thị H, sinh ngày 03/07/2000; Phan Đức Ph, sinh ngày 20/03/2003, cháu H và cháu Ph đã có giấy khai sinh và đang chung sống với anh N.

- Về tài sản chung : Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Nay tại Tòa án anh N yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phan Văn N yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thanh Th.

- *Về con chung*: Tùy theo nguyện vọng của cháu Phan Thị H và cháu Phan Đức Ph, nếu nguyện vọng của hai cháu muốn sống với anh N, thì anh N không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, còn nguyện vọng của hai cháu muốn được sống chị Th thì anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải và đối chất ngày 14/5/2018 bị đơn chị Huỳnh Thanh Th trình bày:**

Chị Th đồng ý với lời trình bày của anh N về ngày tháng năm vợ chồng chung sống, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có tài sản chung và nợ chung là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Th là do anh N thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm đến chị Th từ đó vợ chồng thường cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay.

Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Huỳnh Thanh Th đồng ý ly hôn với anh Phan Văn N.

- *Về con chung*: Tùy theo nguyện vọng của cháu Phan Thị H và cháu Phan Đức Ph, nếu nguyện vọng của hai cháu muốn sống với chị Th, thì chị Th không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, còn nguyện vọng của hai cháu muốn được sống anh N thì chị Th không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Huỳnh Thanh Th có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2018. Nay vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Huỳnh Thanh Th là phù hợp với pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị Th là vi phạm vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 và theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì anh, chị chung sống với nhau vào năm 2010 mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật : “*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nghĩ nên không công nhận anh Phan Văn N và chị Huỳnh Thanh Th là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Phan Văn N và chị Huỳnh Thanh Th xác nhận vợ chồng có 02 người con chung tên Phan Thị H, sinh ngày 03/07/2000 và cháu Phan Đức Ph, sinh ngày 20/03/2003 các cháu đã có giấy khai sinh và đang sống chung với anh N chị Th xác nhận hiện nay chị không có thai. Theo quy định tại Điều 21 BLDS năm 2015 “*Người thành niên là người từ đủ 18 tuổi trở lên, người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi*”. Theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 “*Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi*

dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ...”. Như vậy cháu Phan Thị H, sinh ngày 03/07/2000; và cháu Phan Đức Ph, sinh ngày 20/03/2003 chưa thành niên vì chưa đủ 18 tuổi. Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai cháu H và cháu Ph có nguyện vọng xin được sống với cha là anh N. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên khi ly hôn đối với con, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Ở đây anh N và chị Th đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là anh N; và nguyện vọng của cháu H và cháu Ph là được ở với cha, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh N và chị Th và nguyện vọng của hai cháu, tiếp tục giao cháu Phan Thị H, sinh ngày 03/07/2000; và cháu Phan Đức Ph, sinh ngày 20/03/2003 cho anh N Trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung. Vì quyền lợi của con; khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh Phan Văn N và chị Huỳnh Thanh Th xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa miễn xét.

[5] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí HNST: Buộc anh Phan Văn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005008 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010;
- Áp dụng khoản 1 Điều điều 131, khoản 2 Điều 53; 57, 59, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phan Văn N và chị Huỳnh Thanh Th là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Phan Văn N và chị Huỳnh Thanh Th và nguyện vọng của hai cháu Phan Thị H và Phan Đức Ph; tiếp tục giao cháu Phan Thị H, sinh ngày 03/07/2000, cháu Phan Đức Ph, sinh ngày 20/03/2003 cho anh Phan Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thanh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh Phan Văn N và chị Huỳnh Thanh Th xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa miễn xét.

4. Về án phí HNST: Buộc anh Phan Văn N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005008 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Huỳnh Thanh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha